

Bản án số: **07/2022/HNGĐ – ST**

Ngày: 10/02/2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước

Ông Nguyễn Phước

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 152/2021/TLST – HNGĐ ngày 21/7/2021; Về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2022/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp A, thị trấn L, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. Nơi tạm trú: Số 310, đường N, khóm B, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trang Phước H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số X, Quốc lộ 1A, khóm B, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2021, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:***

Bà với ông Trang Phước H cưới nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được UBND Phường X, thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50/2018 vào ngày 17/9/2018. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng không có con chung. Đến đầu năm 2019 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, cự cãi và sống ly thân với nhau. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, để

tiếp tục chung sống với nhau, nên bà nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trang Phước H theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trang Phước H được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

* *Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Còn bị đơn ông Trang Phước H chưa chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L, xem xét, giải quyết cho bà L ly hôn với ông H theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, còn con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trang Phước H được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Xét thấy, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông H theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị L với ông Trang Phước H cưới nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau, nhưng đến đầu năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, cự cãi với nhau, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, dẫn đến sống ly thân. Nay bà L nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trang Phước H. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L với ông Trang Phước H cưới nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được UBND Phường X, thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50/2018 vào ngày 17/9/2018, nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật

bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Theo bà L trình bày, thì hôn nhân giữa ông bà không còn hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy mâu thuẫn vợ chồng, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được để tiếp tục chung sống với nhau, bà với ông H sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân thì giữa bà với ông H vẫn không thể hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng, nên bà L quyết định nộp đơn xin ly hôn với ông H. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông H thì thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài vì hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 03 năm, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và bị đơn ông H cũng không có ý kiến gì phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà L, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Trang Phước H.

[4] Về con chung: Bà L với ông H không có con chung với nhau.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trang Phước H.

2/ Về con chung: Không có.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008015 ngày

08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, như vậy bà L đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Trang Phước H vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS TP. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- UBND Phường X;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha